

Hình ảnh	Mã hàng	Mô tả	NEW PRICE 2026
CÔNG TÁC CHUYỂN MẠCH			
	HC4210	CÔNG TÁC CHUYỂN MẠCH, Volt, AC 250V, 10A, 4 NẮC, 2 TIẾP ĐIỂM	262,000
	HC4211	CÔNG TÁC CHUYỂN MẠCH, Volt, AC 250V, 10A, 4 NẮC, 2 TIẾP ĐIỂM	262,000
	HC4221	CÔNG TÁC CHUYỂN MẠCH, Volt, AC 250V, 10A, 4 NẮC, 2 TIẾP ĐIỂM	262,000
	HC4213	CÔNG TÁC CHUYỂN MẠCH, Ampe, AC 250V, 10A, 4 NẮC, 2 TIẾP ĐIỂM	262,000
	HC3303	CÔNG TÁC CHUYỂN MẠCH, Ampe, AC 250V, 10A, 3 NẮC, 3 TIẾP ĐIỂM	308,000
	HC4307	CÔNG TÁC CHUYỂN MẠCH, Ampe, AC 250V, 10A, 4 NẮC, 3 TIẾP ĐIỂM	308,000
	HC3102A	CÔNG TÁC CHUYỂN MẠCH, A: Khởi phục tự động	240,000
	HC3102P	CÔNG TÁC CHUYỂN MẠCH, R: Khởi phục bằng cách kéo và xoay	250,000
	HC3102R-E		
	HC4322	CÔNG TÁC CHUYỂN MẠCH, Ampe, AC 250V, 10A, 4 NẮC, 3 TIẾP ĐIỂM	297,000
	HC7301	CÔNG TÁC CHUYỂN MẠCH, Volt, AC 250V, 10A, 7 NẮC, 3 TIẾP ĐIỂM	308,000
	HC3508		536,000
	HC5308		308,000
	HC2405		407,000
	HC2201		262,000
	THEO YÊU CẦU	THEO YÊU CẦU, AC250V 10A 1 TIẾP ĐIỂM	262,000
	THEO YÊU CẦU	THEO YÊU CẦU, AC250V 10A 2 TIẾP ĐIỂM	262,000
THEO YÊU CẦU	THEO YÊU CẦU, AC250V 10A 3 TIẾP ĐIỂM	308,000	
THÊM 1 TIẾP ĐIỂM	THÊM 1 TIẾP ĐIỂM, AC250V 10A 1 TIẾP ĐIỂM	88,000	
BẢNG TÊN	CÁC LOẠI BẢNG TÊN CÔNG TÁC CHUYỂN MẠCH	47,300	
NÚT NHẤN KHÔNG ĐÈN			
	HC25B-1	NÚT NHẤN KHÔNG ĐÈN, 250/1a1b/R,G,Y,Bu,B,W	45,000
	HC25B-2	NÚT NHẤN KHÔNG ĐÈN, 250/2a2b/R,G,Y,Bu,B,W	73,000
	THÊM 1 TIẾP ĐIỂM	NÚT NHẤN KHÔNG ĐÈN, THÊM 1 TIẾP ĐIỂM	29,000
	HC30B-1	NÚT NHẤN KHÔNG ĐÈN, 300/1a1b/R,G,Y,Bu,B,W	46,000
	HC30B-2	NÚT NHẤN KHÔNG ĐÈN, 300/2a2b/R,G,Y,Bu,B,W	74,000
	THÊM 1 TIẾP ĐIỂM	NÚT NHẤN KHÔNG ĐÈN, THÊM 1 TIẾP ĐIỂM	29,000
NÚT NHẤN CÓ ĐÈN			
	HC25L-11FLR	NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, 250/AC,DC110V/1a1b/R,G,Y,Bu,W	88,000
	HC25L-22ALR	NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, 250/AC220V/1a1b/R,G,Y,Bu,W	88,000
	HC25L-22DLR	NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, 250/DC220V/1a1b/R,G,Y,Bu,W	96,800
	HC25L-34ALR	NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, 250/AC380-440V/1a1b/R,G,Y,Bu,W	88,000
	HC25L-24FLR	NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, 250/AC,DC24V/1a1b/R,G,Y,Bu,W	84,000
	HC30L-11FLR	NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, 300/AC,DC110V/1a1b/R,G,Y,Bu,W	88,000
	HC30L-22ALR	NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, 300/AC220V/1a1b/R,G,Y,Bu,W	88,000
	HC30L-34ALR	NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, 300/AC380-440V/1a1b/R,G,Y,Bu,W	88,000
	HC30L-24FLR	NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, 300/AC,DC24V/1a1b/R,G,Y,Bu,W	86,000
HC25PC	Switch Cover	70,000	
NÚT DỪNG KHẨN CẤP			
	HC25E-1	NÚT DỪNG KHẨN CẤP, 250/1a1b/R,G,Y,Bu,B,W	46,000
	HC25E-2	NÚT DỪNG KHẨN CẤP, 250/2a2b/R,G,Y,Bu,B,W	74,000
	HC30E-1	NÚT DỪNG KHẨN CẤP, 300/1a1b/R,G,Y,Bu,B,W	47,000
	HC30E-2	NÚT DỪNG KHẨN CẤP, 300/2a2b/R,G,Y,Bu,B,W	75,000
	HC25ER-1	NÚT DỪNG KHẨN CẤP, 250/1a1b/R,G,Y,Bu,B,W	67,000
	HC25ER-2	NÚT DỪNG KHẨN CẤP, 250/2a2b/R,G,Y,Bu,B,W	92,000
	HC30ER-1	NÚT DỪNG KHẨN CẤP, 300/1a1b/R,G,Y,Bu,B,W	71,000
	HC30ER-2	NÚT DỪNG KHẨN CẤP, 300/2a2b/R,G,Y,Bu,B,W	102,000
CÔNG TÁC XOAY			
	HC25S2-1	CÔNG TÁC XOAY, 250/1a1b/STAGE 2	49,000
	HC25S2-2	CÔNG TÁC XOAY, 250/2a2b/STAGE 2	78,000
	THÊM 1 TIẾP ĐIỂM	CÔNG TÁC XOAY, THÊM 1 TIẾP ĐIỂM	29,000
	HC25S3-1	CÔNG TÁC XOAY, 250/1a1b/STAGE 3	49,000



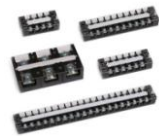
HC25S3-2	CÔNG TÁC XOAY, 25Ø/2a2b/STAGE 3	78,000
THÊM 1 TIẾP ĐIỂM	CÔNG TÁC XOAY, THÊM 1 TIẾP ĐIỂM	29,000
HC30S2-1	CÔNG TÁC XOAY, 30Ø/1a1b/STAGE 2	51,000
HC30S2-2	CÔNG TÁC XOAY, 30Ø/2a2b/STAGE 2	79,000
THÊM 1 TIẾP ĐIỂM	CÔNG TÁC XOAY, THÊM 1 TIẾP ĐIỂM	29,000
HC30S3-1	CÔNG TÁC XOAY, 30Ø/1a1b/STAGE 3	51,000
HC30S3-2	CÔNG TÁC XOAY, 30Ø/2a2b/STAGE 3	79,000
THÊM 1 TIẾP ĐIỂM	CÔNG TÁC XOAY, THÊM 1 TIẾP ĐIỂM	29,000

ĐÈN BẢO



HC25P-11FLR	ĐÈN BẢO, AC,DC110V/R,G,Y,Bu,W	45,000
HC25P-22ALR	ĐÈN BẢO, 25Ø/AC220V/R,G,Y,Bu,W	47,000
HC25P-34ALR	ĐÈN BẢO, 25Ø/AC380~440V/R,G,Y,Bu,W	47,000
HC25P-24DMLR	ĐÈN BẢO, 25Ø/DC24/R,G,Y,Bu,W	37,000
HC25P-24FLR	ĐÈN BẢO, 25Ø/AC,DC24/R,G,Y,Bu,W	44,000
HC30P-11FLR	ĐÈN BẢO, 30Ø/AC,DC110V/R,G,Y,Bu,W	47,000
HC30P-22ALR	ĐÈN BẢO, 30Ø/AC220V/R,G,Y,Bu,W	48,000
HC30P-34ALR	ĐÈN BẢO, 30Ø/AC380~440V/R,G,Y,Bu,W	48,000
HC30P-24DMLR	ĐÈN BẢO, 30Ø/DC24/R,G,Y,Bu,W	40,000
HC30P-24FLR	ĐÈN BẢO, 30Ø/AC,DC24V/1a1b/R,G,Y,Bu,W	45,000
HC25P-22DLR		63,000

CẦU ĐẦU KHÓI



HFTB-1010	CẦU ĐẦU KHÓI, 10A, 10P	41,000
HFTB-203	CẦU ĐẦU KHÓI, 20A, 3P	15,000
HFTB-204	CẦU ĐẦU KHÓI, 20A, 4P	19,000
HFTB-206	CẦU ĐẦU KHÓI, 20A, 6P	28,000
HFTB-2010	CẦU ĐẦU KHÓI, 20A, 10P	43,000
HFTB-2012	CẦU ĐẦU KHÓI, 20A, 12P	52,500
HFTB-2015	CẦU ĐẦU KHÓI, 20A, 15P	63,500
HFTB-2020	CẦU ĐẦU KHÓI, 20A, 20P	80,500
HFTB-303	CẦU ĐẦU KHÓI, 30A, 3P	23,000
HFTB-304	CẦU ĐẦU KHÓI, 30A, 4P	29,000
HFTB-306	CẦU ĐẦU KHÓI, 30A, 6P	41,000
HFTB-3010	CẦU ĐẦU KHÓI, 30A, 10P	63,000
HFTB-603	CẦU ĐẦU KHÓI, 60A, 3P	55,000
HFTB-604	CẦU ĐẦU KHÓI, 60A, 4P	73,000
HFTB-1003	CẦU ĐẦU KHÓI, 100A, 3P	110,000
HFTB-1004	CẦU ĐẦU KHÓI, 100A, 4P	145,000
HFTB-1503	CẦU ĐẦU KHÓI, 150A, 3P	165,000
HFTB-1504	CẦU ĐẦU KHÓI, 150A, 4P	215,000
HFTB-2003	CẦU ĐẦU KHÓI, 200A, 3P	210,000
HFTB-2004	CẦU ĐẦU KHÓI, 200A, 4P	275,000
HFTB-3003	CẦU ĐẦU KHÓI, 300A, 3P	370,000
HFTB-3004	CẦU ĐẦU KHÓI, 300A, 4P	478,000
HFTB-4003	CẦU ĐẦU KHÓI, 400A, 3P	480,000
HFTB-4004	CẦU ĐẦU KHÓI, 400A, 4P	630,000

CẦU ĐẦU MẮT RỜI








ATB-10	CẦU ĐẦU MẮT RỜI, 10A, 1P	4,500
ATB-15	CẦU ĐẦU MẮT RỜI, 15A, 1P	5,500
ATB-25	CẦU ĐẦU MẮT RỜI, 25A, 1P	7,400
ATB-35	CẦU ĐẦU MẮT RỜI, 35A, 1P	8,500
ATB-60	CẦU ĐẦU MẮT RỜI, 60A, 1P	16,000
ATB-100	CẦU ĐẦU MẮT RỜI, 100A, 1P	22,000
ATB-15AW	CẦU ĐẦU MẮT RỜI, 15A, STAGE 2	10,000

PHỤ KIỆN DOMINO

ATB-S10	Nắp chặn, 10A	1,300
ATB-S15	Nắp chặn, 15A	1,500
ATB-S35	Nắp chặn, 35A	1,600
ATB-S60	Nắp chặn, 60A	2,100
ATB-S100	Nắp chặn, 100A	2,300
ATB-S15W	Nắp chặn, 15AW	2,800

	ATB-SN10	Chân sắt nhỏ, 10A, 1P	4,600
	ATB-SN15	Chân sắt lớn, 15A, 1P	4,700
	ATB-10D	Nắp dây nhựa, 10A, 1M	10,500
	ATB-15D	Nắp dây nhựa, 15A-35A, 1M	21,000
	ATB-15WD	Nắp dây nhựa, 15A-35A, 1M	14,000
	ATB-60D	Nắp dây nhựa, 60A-100A, 1M	31,500
	ATB-10N	Miếng đánh số, 10A, 50Cm	1,300
	ATB-15N	Miếng đánh số, 15A, 50Cm	1,300
	ATB-CH-G	Thanh ray(Loại thường), 1M, 15A	90,000
	ATB-CH-10G	Thanh ray nhỏ(Loại thường), 1M, 10A	87,000
	ATB-CH-C1	Thanh ray(Loại bề), 1M, 15A	91,000
	TEST TERMINAL(PTT, CTT)		
	HCTT-04S	CTT, 4P, AC250V, 10A, SET	400,000
	HPPT-04S	PTT, 4P, AC250V, 10A, SET	400,000
	HCTT-03S	CTT, 3P, AC250V, 10A, SET	330,000
	HPPT-03S	PTT, 3P, AC250V, 10A, SET	330,000
	HCTT-04P	CTT, 4P, AC250V, 10A, PLUG	200,000
	HCTT-04C	CTT, 4P, AC250V, 10A, CONSENT	240,000
	HPPT-04P	PTT, 4P, AC250V, 10A, PLUG	200,000
	HPPT-04C	PTT, 4P, AC250V, 10A, CONSENT	240,000
	HCTT-03P	CTT, 3P, AC250V, 10A, PLUG	190,000
	HCTT-03C	CTT, 3P, AC250V, 10A, CONSENT	170,000
	HPPT-03P	PTT, 3P, AC250V, 10A, PLUG	190,000
	HPPT-03C	PTT, 3P, AC250V, 10A, CONSENT	170,000
RO LE TRUNG GIAN (MY SERIES)			
	HMY2SN-A220	RO LE TRUNG GIAN(MY SERIES), 5A, AC220V, LED	88,000
	HMY2SN-D24	RO LE TRUNG GIAN(MY SERIES), 5A, DC24V, LED	94,000
	HMY4SN-A220	RO LE TRUNG GIAN(MY SERIES), 3A, AC220V, LED	98,000
	HMY4SN-A110	RO LE TRUNG GIAN(MY SERIES), 3A, AC110V, LED	98,000
	HMY4SN-D110	RO LE TRUNG GIAN(MY SERIES), 3A, DC110V, LED	98,000
	HMY4SN-D24	RO LE TRUNG GIAN(MY SERIES), 3A, DC24V, LED	93,800
	HMY4SN-D12	RO LE TRUNG GIAN(MY SERIES), 3A, DC12V, LED	93,800
RO LE TRUNG GIAN (LY SERIES)			
	HLY2SN-A220	RO LE TRUNG GIAN(LY SERIES), 10A, AC220V, LED	98,000
	HLY2SN-A110	RO LE TRUNG GIAN(LY SERIES), 10A, AC110V, LED	98,000
	HLY2SN-D110	RO LE TRUNG GIAN(LY SERIES), 10A, DC110V, LED	98,000
	HLY2SN-D24	RO LE TRUNG GIAN(LY SERIES), 10A, DC24V, LED	94,000
	HLY2SN-D220	RO LE TRUNG GIAN(LY SERIES), 10A, DC220V, LED	94,000
	HLY4SN-A220	RO LE TRUNG GIAN(LY SERIES), 10A, AC220V, LED	189,000
	HLY4SN-A110	RO LE TRUNG GIAN(LY SERIES), 10A, AC110V, LED	189,000
	HLY4SN-D24	RO LE TRUNG GIAN(LY SERIES), 10A, DC24V, LED	189,000
	HLY4SN-D220	RO LE TRUNG GIAN(LY SERIES), 10A, DC220V, LED	189,000
RO LE TRUNG GIAN (MP SERIES)			
	HMP2SN-A220	RO LE TRUNG GIAN(MP SERIES), 10A, AC220V, LED	147,000
	HMP2SN-A110	RO LE TRUNG GIAN(MP SERIES), 10A, DC110V, LED	147,000
	HMP2SN-D24	RO LE TRUNG GIAN(MP SERIES), 10A, DC24V, LED	140,000
ĐÉ RO LE			
	HMY2S	ĐÉ RELAY(MY2S), 8PIN	45,000
	HMY4S	ĐÉ RELAY(MY4S), 14PIN	45,000
	HLY2S	ĐÉ RELAY(LY2S), 8PIN	45,000
	HLY4S	ĐÉ RELAY(LY4S), 14PIN	73,000
	HR88	ĐÉ RELAY, 8PIN	30,000
	HTS1	ĐÉ RELAY, 8PIN	46,000
HTS2	ĐÉ RELAY, 8PIN	31,000	
MICRO SWITCH			
	RZ-15GW2S-B3	10A-250VAC ROLLER LEVER	83,000

	RZ-15GW-B3	10A-250VAC LEVER110mm	80,000
	AP-B	COVER	7,500
Đèn LED chiếu sáng			
	HCP-LED-10W-2P	ĐÈN LED CHIẾU SÁNG, 220*51*42, AC200-240V, 350Lux	352,000
	HCP-LED-10W-3P	ĐÈN LED CHIẾU SÁNG, 230*51*42, AC200-240V, 350Lux	363,000
BỘ ỔN NHIỆT			
	TC-50	BỘ ỔN NHIỆT, 0 ~ 50°C, 5A, 250VAC	363,000
	TC-90	BỘ ỔN NHIỆT, 0 ~ 90°C, 5A, 250VAC	363,000
	TC-120	BỘ ỔN NHIỆT, 0 ~ 120°C, 5A, 250VAC	363,000
	TC-90-2M	BỘ ỔN NHIỆT, 0 ~ 90°C, 5A, 250VAC, loại dây sensor dài 2m	407,000
DIỆN TRỞ SẤY			
	SH-80W	ĐIỆN TRỞ SẤY, AC220V, 80W	297,000
	SH-100W	ĐIỆN TRỞ SẤY, AC220V, 100W	297,000
	SH-150W	ĐIỆN TRỞ SẤY, AC220V, 150W	297,000
	SH-200W	ĐIỆN TRỞ SẤY, AC220V, 200W	297,000
COVER TYPE	SH-80WC	ĐIỆN TRỞ SẤY, AC220V, 80WC	374,000
	SH-100WC	ĐIỆN TRỞ SẤY, AC220V, 100WC	374,000
	SH-150WC	ĐIỆN TRỞ SẤY, AC220V, 150WC	374,000
	SH-200WC	ĐIỆN TRỞ SẤY, AC220V, 200WC	374,000
THANH KẸP THANH CÁI			
	BT-603-06	THANH KẸP THANH CÁI, 60mm, 3P, 6t	60,000
	BT-603-08	THANH KẸP THANH CÁI, 60mm, 3P, 8t	60,000
	BT-603-10	THANH KẸP THANH CÁI, 60mm, 3P, 10t	60,000
	BT-653-06	THANH KẸP THANH CÁI, 65mm, 3P, 6t	60,000
	BT-653-08	THANH KẸP THANH CÁI, 65mm, 3P, 8t	60,000
	BT-653-10	THANH KẸP THANH CÁI, 65mm, 3P, 10t	60,000
	BT-654-06	THANH KẸP THANH CÁI, 65mm, 4P, 6t	70,000
	BT-654-08	THANH KẸP THANH CÁI, 65mm, 4P, 8t	70,000
	BT-654-10	THANH KẸP THANH CÁI, 65mm, 4P, 10t	70,000
GIÁ ĐỠ THANH CÁI			
	BH-1	GIÁ ĐỠ THANH CÁI, 1P	10,000
	BH-503	GIÁ ĐỠ THANH CÁI, 50A, 3P	30,000
	BH-504	GIÁ ĐỠ THANH CÁI, 50A, 4P	32,000
	BH-1003	GIÁ ĐỠ THANH CÁI, 100A, 3P	30,000
	BH-1004	GIÁ ĐỠ THANH CÁI, 100A, 4P	32,000
	BH-2003	GIÁ ĐỠ THANH CÁI, 200A, 3P	32,000
	BH-2004	GIÁ ĐỠ THANH CÁI, 200A, 4P	32,000
	BH-4003	GIÁ ĐỠ THANH CÁI, 400A, 3P	120,000
	BH-4004	GIÁ ĐỠ THANH CÁI, 400A, 4P	140,000
THANH ĐỠ MICA			
	PC-60	THANH ĐỠ MICA , 60mm	11,000
	PC-68	THANH ĐỠ MICA , 68mm	12,000
	PC-80	THANH ĐỠ MICA , 80mm	14,000
	PC-95	THANH ĐỠ MICA , 95mm	15,000
	PC-103	THANH ĐỠ MICA , 103mm	16,000
	PC-130	THANH ĐỠ MICA , 130mm	18,000

	PC-60Y	THANH ĐỠ MICA , 60mm, Màu ngà(Y)	12,000
	PC-68Y	THANH ĐỠ MICA , 68mm, Màu ngà(Y)	13,000
	PC-80Y	THANH ĐỠ MICA , 80mm, Màu ngà(Y)	15,000
	PC-95Y	THANH ĐỠ MICA , 95mm, Màu ngà(Y)	17,000
	PC-103Y	THANH ĐỠ MICA , 103mm, Màu ngà(Y)	19,000
	PC-130Y	THANH ĐỠ MICA , 130mm, Màu ngà(Y)	20,000
	THANH ĐỠ MICA (CỔ NAM CHẮM)		
	PC-60M	THANH ĐỠ MICA NAM CHẮM, 60mm	100,000
	PC-95M	THANH ĐỠ MICA NAM CHẮM, 95mm	110,000
	PC-105M	THANH ĐỠ MICA NAM CHẮM, 105mm	110,000
BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY			
	HB-10	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY, 10 Φ * 50m	990,000
	HB-15	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY, 15 Φ * 50m	1,040,000
	HB-20	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY, 20 Φ * 50m	1,170,000
	HB-25	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY, 25 Φ * 50m	1,320,000
	HB-30	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY, 30 Φ * 50m	1,490,000
	HB-40	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY, 40 Φ * 50m	1,700,000
	HB-50	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY, 50 Φ * 50m	1,900,000
	HB-60	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY, 60 Φ * 50m	2,170,000
	HB-70	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY, 70 Φ * 50m	2,500,000
	HB-100	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY, 100 Φ * 50m	3,870,000
BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY (LOẠI GIẤY BẠC)			
	HB-10 Silver	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY(LOẠI GIẤY BẠC), 10 Φ * 50m	2,720,000
	HB-15 Silver	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY(LOẠI GIẤY BẠC), 15 Φ * 50m	3,020,000
	HB-20 Silver	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY(LOẠI GIẤY BẠC), 20 Φ * 50m	3,620,000
	HB-25 Silver	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY(LOẠI GIẤY BẠC), 25 Φ * 50m	3,920,000
	HB-30 Silver	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY(LOẠI GIẤY BẠC), 30 Φ * 50m	4,220,000
	HB-40 Silver	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY(LOẠI GIẤY BẠC), 40 Φ * 50m	5,400,000
	HB-50 Silver	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY(LOẠI GIẤY BẠC), 50 Φ * 50m	5,780,000
	HB-60 Silver	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY(LOẠI GIẤY BẠC), 60 Φ * 50m	6,050,000
	HB-70 Silver	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY(LOẠI GIẤY BẠC), 70 Φ * 50m	6,630,000
	HB-80 Silver	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY(LOẠI GIẤY BẠC), 80 Φ * 50m	7,130,000
	HB-90 Silver	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY(LOẠI GIẤY BẠC), 90 Φ * 50m	7,790,000
	HB-100 Silver	BẠT BỌC CẤP CHỐNG CHÁY(LOẠI GIẤY BẠC), 100 Φ * 50m	8,760,000
TAY XOAY GẮN NGOÀI MCCB			
	OP-AH	TAY XOAY GẮN NGOÀI MCCB LS: ABE 102b, ABE 103b, ABS 50b, ABS 60b, ABS 30C, ABS 50C, ABS 60C, ABH 32b, ABH 33b, ABN 50c, ABN 60c, ABN 100c, ABN 100d, EBN 50c, EBN 60c, EBN 100c, EBS 30c, EBS 50c, EBS 60	270,000
	OP-AV	TAY XOAY GẮN NGOÀI MCCB Hyundai: UCB 50R, UCB 100R, UCB 100S, UCD 100S, UCG 50R, UCG 100	270,000
	OP-EH	TAY XOAY GẮN NGOÀI MCCB LS: ABS125C, ABH50C, ABH125C, EBS125C, EBH50C, EBH125C	270,000
	OP-EV	TAY XOAY GẮN NGOÀI MCCB Hyundai: HGM 50H, HGM 50L, HGM 125H, HGM 125L, HGM 125E, HGM 125S	270,000
	OP-FH	TAY XOAY GẮN NGOÀI MCCB Hyundai: UCB 50R, UCB 100R, UCB 100S, UCD 100S, UCG 50R, UCG 100	270,000
	OP-FV	TAY XOAY GẮN NGOÀI MCCB Hyundai: UCB 50H, UCB 100H, UCB 50L, UCB 100L, UCD 50H, UCD 100H	270,000
	OP-GH	TAY XOAY GẮN NGOÀI MCCB Hyundai: UCB 50R, UCB 100R, UCB 100S, UCD 100S, UCG 50R, UCG 100	270,000
	OP-GV	TAY XOAY GẮN NGOÀI MCCB Hyundai: UCB 50H, UCB 100H, UCB 50L, UCB 100L, UCD 50H, UCD 100H	270,000
	OP-KH	TAY XOAY GẮN NGOÀI MCCB LS: ABN 250c, ABS 250c, ABH 250c, ABN 250c, EBN 250c, EBS 250c, EBH 250c	270,000
	OP-KV	TAY XOAY GẮN NGOÀI MCCB LS: ABN 250c, ABS 250c, ABH 250c, ABN 250c, EBN 250c, EBS 250c, EBH 250c	270,000
	OP-LH	TAY XOAY GẮN NGOÀI MCCB Hyundai: UCB 250R, UCB 250S, UCB 250N, UCD 250S, HIGE 202, HIGE 203	270,000
	OP-LV	TAY XOAY GẮN NGOÀI MCCB Hyundai: HIGS 203, HIGH 203, UCG 250S	270,000
	OP-MH	TAY XOAY GẮN NGOÀI MCCB Hyundai: HIGM 250L	270,000
	OP-MV	TAY XOAY GẮN NGOÀI MCCB Hyundai: HIGM 250L	270,000
	OP-NH	TAY XOAY GẮN NGOÀI MCCB Hyundai: HIGM 250L	270,000

OP-NV	UCB 160H, UCB 160L, UCB 250H, UCB 250L, UCD 160H, UCD 250H	270,000
OP-OH	TAY XOAY GẮN NGOÀI MCCB Hyundai:	270,000
OP-OV	UPB 100S, UPB 160S, UPB 250S, UPB 100L, UPB 160L, UPB 250L UPB 100H, UPB 160H, UPB 250H, UPB 100X, UPB 160X, UPB 250X UPB 160I, UPB 250I, UPB 100H, HGP 100S, HGP 160S, HGP 250S	270,000
OP-PH	TAY XOAY GẮN NGOÀI MCCB LS:	270,000
OP-PV	TD 100, TD 160	270,000
OP-QH	TAY XOAY GẮN NGOÀI MCCB LS:	270,000
OP-QV	TS100, TS160, TS250	270,000
OP-XH	TAY XOAY GẮN NGOÀI MCCB Hyundai:	270,000
OP-XV	HGM 160H, HGM 160L, HGM 250H, HGM 250L, HGM 250S, HGM 250E HGE 160H, HGE 160L, HGE 250H, HGE 250L	270,000

ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU



SC-603P1	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 60mm, 3P, 125A, Loại siết bu lông	570,000
SC-603P2	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 60mm, 3P, 225A, Loại siết bu lông	550,000
SC-653PC06I	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 3P, 6SQ, C1, Dây điện thông thường	500,000
SC-653PC10I	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 3P, 10SQ, C1, Dây điện thông thường	550,000
SC-653PC16I	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 3P, 16SQ, C1, Dây điện thông thường	610,000
SC-653PC25I	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 3P/25SQ, C1, Dây điện thông thường	680,000
SC-653PC35I	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 3P, 35SQ, C1, Dây điện thông thường	830,000
SC-653PC352	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 3P, 35SQ, C2, Dây điện thông thường	1,200,000
SC-654PC06I	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 6SQ, C1, Dây điện thông thường	720,000
SC-654PC10I	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 10SQ, C1, Dây điện thông thường	770,000
SC-654PC16I	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 16SQ, C1, Dây điện thông thường	840,000
SC-654PC162	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 16SQ, C2, Dây điện thông thường	1,070,000
SC-654PC25I	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 25SQ, C1, Dây điện thông thường	940,000
SC-654PC252	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 25SQ, C2, Dây điện thông thường	1,330,000
SC-654PC35I	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 35SQ, C1, Dây điện thông thường	1,190,000
SC-654PC352	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 35SQ, C2, Dây điện thông thường	1,670,000
SC-654PC1단상	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 2P, 10SQ, C1, Dây điện thông thường	580,000
SC-653PC06IS	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 3P, 6SQ, C1, Dây điện SIS	780,000
SC-653PC10IS	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 3P, 10SQ, C1, Dây điện SIS	880,000
SC-653PC16IS	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 3P, 16SQ, C1, Dây điện SIS	980,000
SC-653PC25IS	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 3P, 25SQ, C1, Dây điện SIS	1,110,000
SC-653PC252S	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 3P, 25SQ, C2, Dây điện SIS	1,510,000
SC-653PC35IS	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 3P, 35SQ, C1, Dây điện SIS	1,330,000
SC-653PC352S	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 3P, 35SQ, C2, Dây điện SIS	1,780,000
SC-654PC06IS	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 6SQ, C1, Dây điện SIS	970,000
SC-654PC10IS	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 10SQ, C1, Dây điện SIS	1,060,000
SC-654PC16IS	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 16SQ, C1, Dây điện SIS	1,210,000
SC-654PC25IS	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 25SQ, C1, Dây điện SIS	1,300,000
SC-654PC252S	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 25SQ, C2, Dây điện SIS	1,830,000
SC-654PC35IS	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 35SQ, C1, Dây điện SIS	1,730,000
SC-654PC352S	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 35SQ, C2, Dây điện SIS	2,270,000
SC-653PC06IL	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 3P, 6SQ, C1, Dây điện thông thường thường TERMINAL LONG	500,000
SC-653PC10IL	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 3P, 10SQ, C1, Dây điện thông thường thường TERMINAL LONG	550,000
SC-653PC16IL	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 3P, 16SQ, C1, Dây điện thông thường thường TERMINAL LONG	610,000
SC-653PC25IL	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 3P, 25SQ, C1, Dây điện thông thường thường TERMINAL LONG	680,000
SC-653PC252L	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 3P, 25SQ, C2, Dây điện thông thường thường TERMINAL LONG	940,000
SC-653PC35IL	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 3P, 35SQ, C1, Dây điện thông thường thường TERMINAL LONG	830,000
SC-653PC352L	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 3P, 35SQ, C2, Dây điện thông thường thường TERMINAL LONG	1,200,000
SC-654PC06IL	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 6SQ, C1, Dây điện thông thường thường TERMINAL LONG	720,000
SC-654PC10IL	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 10SQ, C1, Dây điện thông thường thường TERMINAL LONG	770,000
SC-654PC16IL	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 16SQ, C1, Dây điện thông thường thường TERMINAL LONG	840,000
SC-654PC25IL	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 25SQ, C1, Dây điện thông thường thường TERMINAL LONG	940,000
SC-654PC252L	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 25SQ, C2, Dây điện thông thường thường TERMINAL LONG	1,330,000
SC-654PC35IL	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 35SQ, C1, Dây điện thông thường thường TERMINAL LONG	1,190,000
SC-654PC352L	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 65mm, 4P, 35SQ, C2, Dây điện thông thường thường TERMINAL LONG	1,670,000
SC-803PC06I	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P/6SQ, C1, Dây điện thông thường	670,000
SC-803PC10I	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 10SQ, C1, Dây điện thông thường	740,000
SC-803PC16I	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 16SQ, C1, Dây điện thông thường	810,000
SC-803PC25I	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 25SQ, C1, Dây điện thông thường	1,010,000
SC-803PC252	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 25SQ, C2, Dây điện thông thường	1,280,000
SC-803PC35I	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 35SQ, C1, Dây điện thông thường	1,220,000
SC-803PC352	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 35SQ, C2, Dây điện thông thường	1,390,000
SC-803PC06IS	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 6SQ, C1, Dây điện thông thường thường Dây điện SIS	740,000

		SC-803PC101S	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 10SQ, C1, Dây điện thông thường, Đầu điện SIS	850,000
		SC-803PC161S	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 16SQ, C1, Dây điện thông thường, Đầu điện SIS	1,020,000
		SC-803PC251S	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 25SQ, C1, Dây điện thông thường, Đầu điện SIS	1,240,000
		SC-803PC252S	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 25SQ, C2, Dây điện thông thường, Đầu điện SIS	1,660,000
		SC-803PC351S	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 35SQ, C1, Dây điện thông thường, Đầu điện SIS	1,450,000
		SC-803PC352S	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 35SQ, C2, Dây điện thông thường, Đầu điện SIS	2,040,000
		SC-803PC061L	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 6SQ, C1, Dây điện thông thường, TERMINAL LONG	670,000
		SC-803PC101L	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm/3P/10SQ/C1 Dây điện thông thường, TERMINAL LONG	810,000
		SC-803PC161L	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 16SQ, C1, Dây điện thông thường, TERMINAL LONG	810,000
		SC-803PC251L	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm/3P/25SQ/C1 Dây điện thông thường, TERMINAL LONG	1,010,000
		SC-803PC252L	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 25SQ, C2, Dây điện thông thường, TERMINAL LONG	1,280,000
		SC-803PC351L	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 35SQ, C1, Dây điện thông thường, TERMINAL LONG	1,220,000
		SC-803PC352L	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 35SQ, C2, Dây điện thông thường, TERMINAL LONG	1,390,000
		SC-803PC061LS	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 6SQ, C1, Dây điện thông thường, Đầu điện SIS, TERMINAL LONG	670,000
		SC-803PC101LS	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 10SQ, C1, Dây điện thông thường, Đầu điện SIS, TERMINAL LONG	810,000
		SC-803PC161LS	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 16SQ, C1, Dây điện thông thường, Đầu điện SIS, TERMINAL LONG	1,020,000
		SC-803PC251LS	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 25SQ, C1, Dây điện thông thường, Đầu điện SIS, TERMINAL LONG	1,240,000
		SC-803PC252LS	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 25SQ, C2, Dây điện thông thường, Đầu điện SIS, TERMINAL LONG	1,660,000
		SC-803PC351LS	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 35SQ, C1, Dây điện thông thường, Đầu điện SIS, TERMINAL LONG	1,450,000
		SC-803PC352LS	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, 80mm, 3P, 35SQ, C2, Dây điện thông thường, Đầu điện SIS, TERMINAL LONG	2,040,000
ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU BMC				
		SC-653P1B	ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU BMC, 65mm, 3P, 125A, 3P	990,000
NẮP ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU				
		SC-CS04	NẮP ĐẦU NỐI MCC 1 CHIỀU, Dựng chung 3P, 4P	210,000
ĐẦU NỐI MCC 2 CHIỀU				
		SC-C1253	ĐẦU NỐI MCC 2 CHIỀU, 125A, 3P	480,000
		SC-C1254	ĐẦU NỐI MCC 2 CHIỀU, 125A, 4P	620,000
		SC-C2503	ĐẦU NỐI MCC 2 CHIỀU, 250A, 3P	830,000
		SC-C2504	ĐẦU NỐI MCC 2 CHIỀU, 250A, 4P	1,130,000
ĐẦU NỐI MCC 3 CHIỀU				
		SC-3P-12	ĐẦU NỐI MCC 3 CHIỀU, PIN TYPE, 380V, 10A, 12p	850,000
		SC-3P-24	ĐẦU NỐI MCC 3 CHIỀU, PIN TYPE, 380V, 10A, 24p	1,560,000
		SC-3P-28	ĐẦU NỐI MCC 3 CHIỀU, PIN TYPE, 380V, 10A, 28p	1,810,000
		SC-3P-32	ĐẦU NỐI MCC 3 CHIỀU, PIN TYPE, 380V, 10A, 32p	2,050,000
		SC-3P-36	ĐẦU NỐI MCC 3 CHIỀU, PIN TYPE, 380V, 10A, 36p	2,270,000
		SC-3T-10	ĐẦU NỐI MCC 3 CHIỀU, TERMINAL TYPE, 380V, 10A, 20p	990,000
TAY NẮM CHỮ D BỌC NHỰA				
		H-105-7.5BG	TAY NẮM CHỮ D VỎ NHỰA, Khoảng cách 105 7.5BG	10,000
		H-105-5Y	TAY NẮM CHỮ D VỎ NHỰA, Khoảng cách 105 5Y	10,000
QUẠT AC				
		RG-8025B	QUẠT AC, 200/240VAC, 50/60Hz, 80*25, Ball	320,000
		RG-8025S	QUẠT AC, 200/240VAC, 50/60Hz, 80*25, Sleeve	250,000
		RG-12038B	QUẠT AC, 200/240VAC, 50/60Hz, 120*38, Ball	350,000
		RG-12038S	QUẠT AC, 200/240VAC, 50/60Hz, 120*38, Sleeve	280,000
		RG-17251B	QUẠT AC, 200/240VAC, 50/60Hz, 170*50, Hình tròn Bearing	730,000
		RG-25489B220H	QUẠT AC, 200/240VAC, 50/60Hz, 250*89, Hình tròn Bearing	2,200,000
		RG-WN80	Lưới sắt, 80Φ	14,000
		RG-WN120	Lưới sắt, 120Φ	17,000
		RG-WN150	Lưới sắt hình tròn, 150Φ	32,000
		RG-WN250	Lưới sắt hình tròn, 250Φ	140,000
	JL400	Lưới FILTER	510,000	
SỨ ĐỠ CÁCH ĐIỆN				
		SEI-2626	SỨ ĐỠ CÁCH ĐIỆN, 26*26, M6	27,000
		SEI-2640	SỨ ĐỠ CÁCH ĐIỆN, 26*40, M6	42,000
		SEI-3030	SỨ ĐỠ CÁCH ĐIỆN, 30*30, M8	42,000
		SEI-3035	SỨ ĐỠ CÁCH ĐIỆN, 30*35, M8	42,000
		SEI-4040C	SỨ ĐỠ CÁCH ĐIỆN, 40*40, CIRCULAR, M10	45,000
		SEI-4040S	SỨ ĐỠ CÁCH ĐIỆN, 40*40, HEXAGONAL, M10	45,000
		SEI-4060C	SỨ ĐỠ CÁCH ĐIỆN, 40*60, CIRCULAR, M10	70,000
	SEI-4060S	SỨ ĐỠ CÁCH ĐIỆN, 40*60, HEXAGONAL, M10	70,000	

	SEI-5580	SỨC ĐỒ CÁCH ĐIỆN, 55*80, M8	156,000	
	SEI-5590	SỨC ĐỒ CÁCH ĐIỆN, 55*90	184,000	
	SEI-7580	SỨC ĐỒ CÁCH ĐIỆN, 75*80, M10	223,000	
	SEI-7590	SỨC ĐỒ CÁCH ĐIỆN, 75*90, M10	396,000	
	SEI-110	SỨC ĐỒ CÁCH ĐIỆN, 85*92*110, M10/M12	447,000	
	SEI-210	SỨC ĐỒ CÁCH ĐIỆN, 80*90*210	497,000	
	SEI-220	SỨC ĐỒ CÁCH ĐIỆN, 80*90*220	623,000	
	SEI-280	SỨC ĐỒ CÁCH ĐIỆN, 90*100*280	2,006,000	
DÒ ĐIỆN ÁP CÁCH ĐIỆN				
	SVD-6C	DÒ ĐIỆN ÁP CÁCH ĐIỆN, 6,6/7,2kV,100mm	3,060,000	
	SVD-12C	DÒ ĐIỆN ÁP CÁCH ĐIỆN, 12kV,130mm	3,540,000	
	SVD-24C	DÒ ĐIỆN ÁP CÁCH ĐIỆN, 24kV,210mm	4,410,000	
	SVD-36C	DÒ ĐIỆN ÁP CÁCH ĐIỆN, 36kV,300mm	8,050,000	
MÁY DÒ ĐIỆN ÁP				
	VL-LI-1	MÁY DÒ ĐIỆN ÁP, LED Signal	1,770,000	
CẦU CHỈ				
	CT-DI2	D/Z CẦU CHỈ, 500V-GL-2A	11,300	
	CT-DI4	D/Z CẦU CHỈ, 500V-GL-4A	11,300	
	CT-DI6	D/Z CẦU CHỈ, 500V-GL-6A	11,300	
	CT-DI10	D/Z CẦU CHỈ, 500V-GL-10A	12,000	
	CT-DI16	D/Z CẦU CHỈ, 500V-GL-16A	12,000	
	CT-DI25	D/Z CẦU CHỈ, 500V-GL-25A	12,000	
	CT-10G02	CẦU CHỈ, 100*38, GG 500V, 2A	11,100	
	CT-10G04	CẦU CHỈ, 100*38 GG 500V, 4A	11,100	
	CT-10G06	CẦU CHỈ, 100*38 GG 500V, 6A	11,100	
	CT-10G10	CẦU CHỈ, 100*38 GG 500V, 10A	11,100	
	CT-10PV15	CẦU CHỈ, 100*38 PV DC1000V, 15A	44,900	
	GIÁ ĐỠ CẦU CHỈ			
	HFH-30	GIÁ ĐỠ CẦU CHỈ, 250VAC, 15A	75,000	
	HFH-30I	GIÁ ĐỠ CẦU CHỈ, 250VAC, 15A, INSERT	76,000	
	HFH-30C	GIÁ ĐỠ CẦU CHỈ, 250VAC 15A, COVER ATTACHING TYPE	78,000	
	CT-FB101LA	GIÁ ĐỠ CẦU CHỈ, MAX32A-690V	68,000	
	CT-FB101PVL	GIÁ ĐỠ CẦU CHỈ, MAX32A 1000Vdc	77,000	
THANH CÁI TIẾP ĐỊA				
	EB-60-03	THANH CÁI TIẾP ĐỊA, 60A 3P / Kích 2x15	61,000	
	EB-60-04	THANH CÁI TIẾP ĐỊA, 60A 4P / Kích 2x15	65,000	
	EB-60-05	THANH CÁI TIẾP ĐỊA, 60A 5P / Kích 2x15	79,000	
	EB-60-06	THANH CÁI TIẾP ĐỊA, 60A 6P / Kích 2x15	88,000	
	EB-60-07	THANH CÁI TIẾP ĐỊA, 60A 7P / Kích 2x15	97,000	
	EB-60-08	THANH CÁI TIẾP ĐỊA, 60A 8P / Kích 2x15	110,000	
	EB-60-09	THANH CÁI TIẾP ĐỊA, 60A 9P / Kích 2x15	115,000	
	EB-60-10	THANH CÁI TIẾP ĐỊA, 60A 10P / Kích 2x15	128,000	
	EB-60-11	THANH CÁI TIẾP ĐỊA, 60A 11P / Kích 2x15	132,000	
	EB-60-12	THANH CÁI TIẾP ĐỊA, 60A 12P / Kích 2x15	141,000	
	EB-60-13	THANH CÁI TIẾP ĐỊA, 60A 13P / Kích 2x15	161,000	
	EB-60-14	THANH CÁI TIẾP ĐỊA, 60A 14P / Kích 2x15	176,000	
	EB-60-15	THANH CÁI TIẾP ĐỊA, 60A 15P / Kích 2x15	186,000	
	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN 25Φ			
		NP25-ON	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên ON	7,000
NP25-OFF		NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên OFF	7,000	
NP25-OFF ON		NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên OFF ON	7,000	
NP25-M1 M2		NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên M1 M2	7,000	
NP25-POWER		NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên POWER	7,000	
NP25-START		NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên START	7,000	
NP25-RESET		NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên RESET	7,000	

 	NP25-STOP	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên STOP	7,000
	NP25-TRIP	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên TRIP	7,000
	NP25-FAULT	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên FAULT	7,000
	NP25-OPEN	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên OPEN	7,000
	NP25-CLOSE	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên CLOSE	7,000
	NP25-DOWN	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên DOWN	7,000
	NP25-BUZZER	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên BUZZER	7,000
	NP25-HEATER	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên HEATER	7,000
	NP25-HAND	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên HAND	7,000
	NP25-AUTO	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên AUTO	7,000
	NP25-REN	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên REN	7,000
	NP25-FAN	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên FAN	7,000
	NP25-UP	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên UP	7,000
	NP25-A B	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên A B	7,000
	NP25-B/Z STOP	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên B/Z STOP	7,000
	NP25-EMG STOP	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên EMG STOP	7,000
	NP25-HAND AUTO	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên HAND AUTO	7,000
	NP25-MANU AUTO	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên MANU AUTO	7,000
	NP25-STOP START	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên STOP START	7,000
	NP25-OVER LOAD	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên OVER LOAD	7,000
	NP25-LOCAL REMOTE	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên OCAL REMOTE	7,000
	NP25-FAULT RESET	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên FAULT RESET	7,000
	NP25-HAND OFF AUTO	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên HAND OFF AUTO	7,000
	NP25-무명판	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ không có bảng tên	7,000
NP25-ON ON	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 25Φ Bảng tên ON ON	7,000	
NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN 30Φ			
 	NP30-ON	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 30Φ Bảng tên ON	8,600
	NP30-OFF	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 30Φ Bảng tên OFF	8,600
	NP30-OFF ON	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 30Φ Bảng tên OFF ON	8,600
	NP30-RESET	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 30Φ Bảng tên RESET	8,600
	NP30-STOP	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 30Φ Bảng tên STOP	8,600
	NP30-FAULT	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 30Φ Bảng tên FAULT	8,600
	NP30-OPEN	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 30Φ Bảng tên OPEN	8,600
	NP30-CLOSE	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 30Φ Bảng tên CLOSE	8,600
	NP30-BUZZER	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 30Φ Bảng tên BUZZER	8,600
	NP30-HEATER	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 30Φ Bảng tên HEATER	8,600
	NP30-B/Z STOP	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 30Φ Bảng tên B/Z STOP	8,600
	NP30-HAND AUTO	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 30Φ Bảng tên HAND AUTO	8,600
	NP30-MANU AUTO	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 30Φ Bảng tên MANU AUTO	8,600
	NP30-LOCAL REMOTE	NHẤN TÊN TỬ ĐIỆN, 30Φ Bảng tên LOCAL REMOTE	8,600
KHUNG NHẤN TÊN / VÍT NHỰA			
 	NP-60	KHUNG NHẤN TÊN, Bảng tên 20x45 Khoảng cách 45	1,200
	NP-P	VÍT NHỰA	400
	NP-60A	KHUNG NHẤN TÊN, Bảng tên 20x45 Khoảng cách 45 Loại một máy	2,000
DÂY TIẾP ĐỊA NỘI CỬA			
 	DGW-80	DÂY TIẾP ĐỊA NỘI CỬA, 80mm	30,000
	DGW-170	DÂY TIẾP ĐỊA NỘI CỬA, 170mm	50,000
THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN SPD			
	DSPA-34B-125A(120kA)	SPD, Dùng cho tủ hạ thế và thiết bị ngoài trời (dạng counter) 120kA	18,500,000
	DSPA-34B-80kA	SPD, Dùng cho tủ hạ thế và thiết bị ngoài trời (dạng counter) 80kA	15,420,000
	DSPA-34B-40kA	SPD, Dùng cho tủ hạ thế và thiết bị ngoài trời (dạng counter) 40kA	13,570,000
	DSPA-34B-120kA	SPD, Dùng cho tủ hạ thế và thiết bị ngoài trời (dạng cable) 120kA	9,120,000
	DSPA-34B-80kA	SPD, Dùng cho tủ hạ thế và thiết bị ngoài trời (dạng cable) 80kA	5,860,000



DSPA-34B-40kA	SPD, Dùng cho tủ hạ thế và thiết bị ngoài trời (dạng cable) 40kA	4,930,000
DSPA-34M-40kA	SPD, Tủ điện/MCC (dạng đầu nối) 40kA	2,620,000
DSPB-II-40kA	SPD, Tủ điện/Dạng Din Rail (channel) 40kA	2,620,000
DSPB-II-40kA	SPD, Tủ điện/Dạng Din Rail (channel) 40kA IP2W	1,850,000
DSPB-III-40kA	SPD, Tủ điện/Dạng đầu nối trực tiếp Type kA	2,620,000
DSP-E125A Level I	SPD, Bộ ngắt kết nối bên ngoài SPD	3,270,000
DSP-E040A Level II	SPD, Bộ ngắt kết nối bên ngoài SPD	2,620,000

BỘ LỌC SÓNG HẢI



DPZ-10A	BỘ LỌC SÓNG HẢI-10A	21,590,000
DPZ-15A	BỘ LỌC SÓNG HẢI-15A	24,670,000
DPZ-20A	BỘ LỌC SÓNG HẢI-20A	30,840,000
DPZ-25A	BỘ LỌC SÓNG HẢI-25A	33,920,000
DPZ-30A	BỘ LỌC SÓNG HẢI-30A	40,090,000
DPZ-40A	BỘ LỌC SÓNG HẢI-40A	46,260,000
DPZ-70A	BỘ LỌC SÓNG HẢI-70A	67,850,000

ĐỒNG HỒ SỐ ĐIỆN TỬ



DPM-P	ĐỒNG HỒ SỐ ĐIỆN TỬ, Đồng hồ đo công suất điện	6,170,000
DPM-VA	ĐỒNG HỒ SỐ ĐIỆN TỬ, Đồng hồ đo vôn/ampe điện từ	3,700,000
DOM-V/Hz	ĐỒNG HỒ SỐ ĐIỆN TỬ, Đồng hồ đo điện mặt trời	6,170,000